

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học Kỳ 2 - Năm Học 09-10

Lớp: TC09QTTD (Quản trị kinh doanh Thu Dục)

Môn Học Toán cao cấp C1 (202114-03)

CBGD Đăng Thành Danh (512)

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Chữ ký SV	S.Từ	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên
1	09222001	NGUYỄN NGỌC THÚY	AN	2	Sáu	1
2	09222002	ĐẶNG LAN	ANH	1	Ba	2
3	09222003	LÊ HUỖNH NGỌC	ANH	1	Hai	3
4	09222004	NGUYỄN THỊ LAN	ANH			4
5	09222005	ĐỖ THỊ AN	BÌNH	1	Ba	5
6	09222006	NGUYỄN DUY	BÌNH	1	Bốn	6
7	09222009	NGUYỄN THỊ NGỌC	CHÂU	1	Hai	7
8	09222010	PHẠM THỊ KIM	CHÂU	2	Sáu	8
9	09222007	NGUYỄN HẢI	CÓ			9
10	09222011	BÙI THỊ	CÚC	2	Tám	10
11	09222008	NGUYỄN ĐOÀN	CƯỜNG	1	Hai	11
12	09222014	LÊ THỊ BÍCH	DIỆU			12
13	09222015	PHẠM CHÍ	DU	1	Hai	13
14	09222012	HUỖNH HẢI	DƯƠNG	1	Hai	14
15	09222013	NGUYỄN QUỐC	DƯƠNG	2	Sáu	15
16	09222016	ĐỖ TRỌNG	ĐÀN	1	Năm	16
17	09222017	NGUYỄN CHƯƠNG	ĐẠO	2	Bốn	17
18	09222018	ĐẶNG HẢI	ĐĂNG			18
19	09222019	LÊ THỊ TUYẾT	GIANG	2	Tám	19
20	09222023	NGUYỄN CHÍ	HÀ			20
21	09222024	DƯƠNG HỒ	HÀI	2	Hai	21
22	09222025	CAO THỊ KIỀU	HANH	2	Năm	22
23	09222020	MAI THANH	HĂNG	1	Ba	23
24	09222021	TRẦN PHƯỢNG	HĂNG	2	Bốn	24
25	09222028	LƯU THỊ	HIÊN	2	Bảy	25
26	09222030	NGUYỄN SƠN	HIỂN	1	Bốn	26
27	09222031	LÊ TRUNG	HIỆP	1	Hai	27
28	09222033	TRẦN THỊ THANH	HOA	2	Tám	28
29	09222035	ĐẶNG PHƯỚC	HÒA	2	Năm	29
30	09222026	LƯU MINH	HÓA			30
31	09222027	PHAN VĂN	HÓA	1	Hai	31
32	09222034	ĐINH HUY	HOAN	1	Ba	32

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học Kỳ 2 - Năm Học 09-10

Lớp: TC09QTTD (Quản trị kinh doanh Thu Dục)

Môn Học Toán cao cấp C1 (202114-03)

CBGD Đăng Thành Danh (512)

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Chữ ký SV	S.Tờ	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên
33	09222036	LÝ NGỌC	HUỆ	2	Hai	1
34	09222037	VÕ THỊ NGỌC	HUỆ	2	Sáu	2
35	09222029	TĂNG VĂN	HÙNG			3
36	09222038	ĐẶNG THU THU	HUYỀN			4
37	09222039	THIÊM THI	HUYỀN	2	Sáu	5
38	09222032	BÙI QUỐC	HƯNG	2	Sáu	6
39	09222022	TRẦN THỊ	HƯƠNG	3	Bảy	7
40	09222042	BÙI NGÔ NGỌC	KHANH	1	Tám	8
41	09222040	LÊ NGỌC QUỐC	KHÁNH	1	Năm	9
42	09222043	NGUYỄN HOÀNG	KHIÊM	1	Một	10
43	09222044	NGUYỄN NHƯ	KHOA	2	Bảy	11
44	09222041	NGÔ TUẤN	KHÔI	1	Ba	12
45	09222045	NGUYỄN HOA	KỶ	1	Hai	13
46	09222047	LÊ THỊ TUYẾT	LAN			14
47	09222046	LÝ DUY	LÂM			15
48	09222049	TRẦN THỊ THÙY	LIÊN	1	Một	16
49	09222051	NGUYỄN THỊ MỸ	LINH	2	Năm	17
50	09222052	PHẠM ĐÌNH NGỌC	LINH	2	Sáu	18
51	09222053	BÙI NGỌC	LONG	1	Ba	19
52	09222054	LÊ MINH	LONG	2	Sáu	20
53	09222055	NGUYỄN VIỆT	LONG	2	Năm	21
54	09222048	PHẠM THỊ XUÂN	LỘC	1	Năm	22
55	09222050	NGÔ THÁI	LỢI	2	Tám	23
56	09222056	HUYỀN THỊ	LY	1	Năm	24
57	09222057	VÕ HÀ NGỌC	MAI	1	Một	25
58	09222058	MAURACHE	MAY	2	Bảy	26
59	09222059	DƯƠNG THÀNH	NAM	2	Sáu	27
60	09222062	HỒ THỊ	NGA	2	Năm	28
61	09222061	LÊ THANH	NGÂN	2	Năm	29
62	09222063	CHẾ THỊ	NGỌC			30
63	09222064	NGUYỄN NGỌC	NGỌC			31
64	09222065	NGUYỄN VĂN	NGỌC	1	Ba	32

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học Kỳ 2 - Năm Học 09-10

Đp: TC09QTTD (Quản trị kinh doanh Thu Dục)

Môn Học Toán cao cấp C1 (202114-03)

ĐBGD Đăng Thành Danh (512)

TT	Mã SV	Họ Và Tên	Chữ ký SV	S.Tờ	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên
65	09222066	TRẦN	NGUYỄN	2	Hai	1
66	09222067	VÕ THỊ	NGUYỄN			2
67	09222069	TRẦN THỊ	NHÂN	2	Bảy	3
68	09222070	PHẠM THỊ CẨM	NHÂN			4
69	09222068	TRẦN THANH	NHÂN	2	Bảy	5
70	09222072	TRẦN THỊ CẨM	NHUNG	1	Sáu	6
71	09222071	TRƯƠNG THỊ THANH	NHUNG	2	Năm	7
72	09222073	LÊ MINH	NHỰT	1	Năm	8
73	09222075	NGUYỄN A	NỊCH			9
74	09222074	TRẦN MẠNH	NINH			10
75	09222060	HOÀNG ĐỊNH	NỘI			11
76	09222083	NGUYỄN ĐỨC	PHONG	2	Bảy	12
77	09222079	SỸ DANH	PHÚ	2	Bảy	13
78	09222080	NGUYỄN ĐĂNG HOÀI D	PHÚC	2	Chín	14
79	09222081	NGUYỄN QUỐC	PHÚC	1	Sáu	15
80	09222082	NGUYỄN THỊ HỒNG	PHÚC			16
81	09222084	NGUYỄN THỊ KIM	PHỤNG	1	Năm	17
82	09222076	ĐẶNG THỊ BÍCH	PHƯƠNG	2	Sáu	18
83	09222077	NGUYỄN HUY	PHƯƠNG			19
84	09222078	TRƯƠNG ĐÌNH	PHƯƠNG			20
85	09222088	DƯƠNG THANH	QUANG	2	Năm	21
86	09222089	VŨ CÔNG	QUANG	2	Năm	22
87	09222086	ĐẶNG XUÂN	QUÂN	1	Năm	23
88	09222087	NGUYỄN HỒNG	QUÂN	1	Năm	24
89	09222090	NGUYỄN THỊ NGỌC	QUÝ	2	Bảy	25
90	09222085	VÕ	QUÝ	2	Tám	26
91	09222091	NGUYỄN THÀNH	RỤC	1	Bốn	27
92	09222094	LÊ THANH	SANG	1	Hai	28
93	09222095	NGUYỄN THỊ HỒNG	SEN	2	Bảy	29
94	09222096	NGUYỄN VĂN	SIM	1	Bảy	30
95	09222092	PHẠM LÊ XUÂN	SON			31
96	09222093	VÕ THANH	SON	2	Bảy	32

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học Kỳ 2 - Năm Học 09-10

Đáp: TC09QTTD (Quản trị kinh doanh Thu Dục)

Môn Học Toán cao cấp C1 (202114-03)

ĐB GD Đăng Thành Danh (512)

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Chữ ký SV	S.Từ	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên
97	09222097	TRẦN TRUNG	TÁ	2	Năm	1
98	09222099	CAO ĐỨC	TÀI	2	Bảy	2
99	09222100	CHÂU TẤN	TÀI	2	Sáu	3
100	09222101	PHẠM MINH	TÀI	1	Bốn	4
101	09222102	VĂN THÀNH	TÀI	1	Năm	5
102	09222098	NGUYỄN NGỌC MINH	TÂN	2	Sáu	6
103	09222104	PHẠM THỊ	THÁI	2	Sáu	7
104	09222105	VÕ QUỐC	THÁI	2	Hai	8
105	09222110	NGUYỄN THỊ KIM	THANH	2	Bảy	9
106	09222107	LÊ MINH	THÀNH	1	Năm	10
107	09222108	PHẠM TẤN	THÀNH	1	Bảy	11
108	09222109	TRẦN THỊ THANH	THẢO	1	Bảy	12
109	09222103	NGUYỄN SỸ	THĂNG	1	Ba	13
110	09222111	PHAN THỊ BÍCH	THỊ	1	Năm	14
111	09222112	TRỊNH THỊ HOÀI	THỊ			15
112	09222113	CÙ HUY	THIỆM	1	Ba	16
113	09222118	NGUYỄN CÔNG	THỊNH	1	Bốn	17
114	09222117	NGUYỄN ĐỨC	THỊNH			18
115	09222116	NGUYỄN THỊ	THOÀ			19
116	09222106	HOÀNG TRÍ	THÔNG	1	Ba	20
117	09222119	HUỖNH THỊ LÊ	THU	2	Sáu	21
118	09222120	NGUYỄN THỊ NGỌC	THU	2	Bốn	22
119	09222121	NGUYỄN TRẦN CẨM	THU	1	Năm	23
120	09222115	TRƯƠNG MINH	THỤ	2	Ba	24
121	09222122	ĐOÍ ÍCH	THUẬN	2	Năm	25
122	09222123	VÕ NGỌC	THUẬN	2	Hai	26
123	09222114	TRẦN THỊ	THUY	2	Năm	27
124	09222124	HUỖNH CÔNG	TIẾN			28
125	09222126	NGUYỄN QUỐC	TOÀN	2	Tám	29
126	09222127	NGUYỄN THANH	TOÀN	2	Tám	30
127	09222129	DƯƠNG THỊ THANH	TRANG			31
128	09222130	LÊ THỊ THU	TRANG	1	Hai	32

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học Kỳ 2 - Năm Học 09-10

Lớp: TC09QTTD (Quản trị kinh doanh Thu Dục)
Môn Học: Toán cao cấp C1 (202114-03)
CBGD: Đặng Thành Danh (512)

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Chữ ký SV	S.Tờ	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên
129	09222131	PHẠM THỊ HUYỀN	TRANG	1	Ba	1
130	09222128	NGUYỄN ĐĂNG NGUYỆT	TRÂM	2	Hai	2
131	09222132	LƯU KIM	TRINH	2	Hai	3
132	09222133	NGUYỄN THỊ TUYẾT	TRINH	2	Năm	4
133	09222134	THÁI VĂN	TRINH			5
134	09222135	NGUYỄN THỊ	TRONG	3	Bảy	6
135	09222136	LÊ TIẾN ĐỨC	TRUNG	1	Một	7
136	09222137	NGUYỄN QUANG	TRUNG	2	Năm	8
137	09222138	PHẠM MINH	TRUNG			9
138	09222139	ĐOÀN THỊ	TRUYỀN	2	Bảy	10
139	09222125	NGUYỄN THUY	TÚ	2	Tám	11
140	09222140	NGUYỄN XUÂN	TUẦN	2	Năm	12
141	09222141	PHẠM ANH	TUẦN	1	Sáu	13
142	09222142	TRẦN CÔNG	TUẦN	2	Sáu	14
143	09222143	ĐỖ THỊ MỘNG	TUYỀN	2	Sáu	15
144	09222144	NGUYỄN THỊ NGỌC	TUYỀN	1	Sáu	16
145	09222145	PHẠM THỊ	TUYẾT	2	Hai	17
146	09222146	TRẦN THỊ LY	UYÊN	2	Ba	18
147	09222147	PHẠM QUANG	VINH	2	Năm	19
148	09222148	TRIỆU QUANG	VINH	2	Sáu	20
149	09222149	NGUYỄN TUẦN	VŨ	2	Năm	21
150	09222150	PHAN PHI	VŨ	2	Ba	22
151	09222151	HUỖNH THÁI TRANG	VY	1	Ba	23
152	09222152	NGUYỄN THỊ KIM	XUYẾN	2	Hai	24
		Phạm văn	nân	2	Ba	25
		Trần Thị Việt	Việt	1	Hai	26
		Lê Mỹ Lê	Việt	2	Bảy	27
						28
						29
						30
						31
						32

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học Kỳ 2 - Năm Học 09-10

Lớp: TC09QTTD (Quản trị kinh doanh Thu Dục)

Môn Học Các ng. lý CB của CN Mác Lênin (200106-27)

CBGD Nguyễn Hồng Hải (665)

Ts. Lê Thị Minh Chi

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Chữ ký SV	S.Từ	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên
1	09222001	NGUYỄN NGỌC THÚY	AN	1	1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
2	09222002	ĐẶNG LAN	ANH	2	2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
3	09222003	LÊ HUỖNH NGỌC	ANH	1	3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
4	09222004	NGUYỄN THỊ LAN	ANH	V	4	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
5	09222005	ĐỖ THỊ AN	BÌNH	V	5	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
6	09222006	NGUYỄN DUY	BÌNH	1	6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
7	09222009	NGUYỄN THỊ NGỌC	CHÂU	1	7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
8	09222010	PHẠM THỊ KIM	CHÂU	1	8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
9	09222007	NGUYỄN HẢI	CÓ	V	9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
10	09222011	BÙI THỊ	CÚC	1	10	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
11	09222008	NGUYỄN DOÃN	CƯỜNG	1	11	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
12	09222014	LÊ THỊ BÍCH	DIỆU	V	12	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
13	09222015	PHẠM CHÍ	DI	2	13	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
14	09222012	HUỖNH HẢI	DƯƠNG	1	14	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
15	09222013	NGUYỄN QUỐC	DƯƠNG	1	15	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
16	09222016	ĐỖ TRỌNG	ĐÀN	1	16	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
17	09222017	NGUYỄN CHƯƠNG	ĐẠO	1	17	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
18	09222018	ĐẶNG HẢI	ĐĂNG	V	18	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
19	09222019	LÊ THỊ TUYẾT	GIANG	2	19	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
20	09222023	NGUYỄN CHÍ	HÀ	V	20	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
21	09222024	DƯƠNG HỒ	HẢI	1	21	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
22	09222025	CAO THỊ KIỀU	HẠNH	2	22	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
23	09222020	MAI THANH	HĂNG	1	23	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
24	09222021	TRẦN PHƯỢNG	HĂNG	1	24	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
25	09222028	LƯU THỊ	HIỀN	1	25	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
26	09222030	NGUYỄN SƠN	HIỀN	1	26	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
27	09222031	LÊ TRUNG	HIỆP	1	27	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
28	09222033	TRẦN THỊ THANH	HOA	2	28	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
29	09222035	ĐẶNG PHƯỚC	HÒA	2	29	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
30	09222026	LƯU MINH	HÓA	V	30	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
31	09222027	PHAN VĂN	HÓA	1	31	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
32	09222034	ĐÌNH HUY	HOAN	2	32	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học Kỳ 2 - Năm Học 09-10

Lớp: TC09QTTD (Quản trị kinh doanh Thu Dục)

Môn Học Các ng. lý CB của CN Mác Lênin (200106-27)

CBGD Nguyễn Hồng Hải (665) TS Lê Thị Kim Oanh

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Chữ ký SV	S.Tờ	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	
33	09222036	LÝ NGỌC	HUỆ	1	Ba	1	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
34	09222037	VÕ THỊ NGỌC	HUỆ	2	Năm	2	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
35	09222029	TẶNG VĂN	HÙNG	V		3	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
36	09222038	ĐẶNG THU THU	HUYỀN	V		4	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
37	09222039	THIỆM THỊ	HUYỀN	2	Ba	5	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
38	09222032	BÙI QUỐC	HƯNG	1	Năm	6	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
39	09222022	TRẦN THỊ	HƯƠNG	1	Ba	7	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
40	09222042	BÙI NGÔ NGỌC	KHANH	1	Năm	8	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
41	09222040	LÊ NGỌC QUỐC	KHÁNH	1	Sáu	9	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
42	09222043	NGUYỄN HOÀNG	KHIÊM	1	Năm	10	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
43	09222044	NGUYỄN NHƯ	KHOA	2	Ba	11	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
44	09222041	NGÔ TUẤN	KHÔI	1	Sáu	12	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
45	09222045	NGUYỄN HOA	KỲ	1	Sáu	13	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
46	09222047	LÊ THỊ TUYẾT	LAN	V		14	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
47	09222046	LÝ DUY	LÂM	V		15	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
48	09222049	TRẦN THỊ THÚY	LIÊN	1	Sáu	16	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
49	09222051	NGUYỄN THỊ MỸ	LINH	1	Năm	17	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
50	09222052	PHẠM ĐÌNH NGỌC	LINH	2	Năm	18	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
51	09222053	BÙI NGỌC	LONG	2	Sáu	19	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
52	09222054	LÊ MINH	LONG	2	Sáu	20	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
53	09222055	NGUYỄN VIỆT	LONG	1	Ba	21	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
54	09222048	PHẠM THỊ XUÂN	LỘC	1	Ba	22	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
55	09222050	NGÔ THÁI	LỢI	2	Sáu	23	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
56	09222056	HUỖNH THỊ	LY	1	Sáu	24	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
57	09222057	VÕ HÀ NGỌC	MAI	1	Ba	25	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
58	09222058	MAURACHE	MAY	1	Một	26	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
59	09222059	DƯƠNG THÀNH	NAM	1	Năm	27	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
60	09222062	HỒ THỊ	NGA	2	Sáu	28	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
61	09222061	LÊ THANH	NGÂN	1	Một	29	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
62	09222063	CHẾ THỊ	NGOC	V		30	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
63	09222064	NGUYỄN NGỌC	NGOC	V		31	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
64	09222065	NGUYỄN VĂN	NGOC	1	Năm	32	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học Kỳ 2 - Năm Học 09-10

Lớp: TC09QTTD (Quản trị kinh doanh Thu Dục)

Môn Học Các ng. lý CB của CN Mác Lênin (200106-27)

CBGD Nguyễn Hồng Hải (665) TS Lê Thị Miền Chín

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Chữ ký SV	S.Từ	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên
65	09222066	TRẦN	NGUYỄN	nguyen 2	Sau	1
66	09222067	VÕ THỊ	NGUYỄN			2
67	09222069	TRẦN THỊ	NHÂN	thanh 1	Sau	3
68	09222070	PHẠM THỊ CẨM	NHÂN			4
69	09222068	TRẦN THANH	NHÂN	thanh 2	Nhân	5
70	09222072	TRẦN THỊ CẨM	NHUNG	Nhung 1	Sau	6
71	09222071	TRƯƠNG THỊ THANH	NHUNG	thanh 1	Nhân	7
72	09222073	LÊ MINH	NHƯT	nhut 2	Sau	8
73	09222075	NGUYỄN A	NICH			9
74	09222074	TRẦN MẠNH	NINH			10
75	09222060	HOÀNG ĐỊNH	NỘI			11
76	09222083	NGUYỄN ĐỨC	PHONG	phong 2	Bau	12
77	09222079	SỸ DANH	PHÚ	phu 2	Sau	13
78	09222080	NGUYỄN ĐĂNG HOÀI D	PHÚC	phu 2	Sau	14
79	09222081	NGUYỄN QUỐC	PHÚC	phu 1	Bau	15
80	09222082	NGUYỄN THỊ HỒNG	PHÚC			16
81	09222084	NGUYỄN THỊ KIM	PHỤNG	phuc 2	Sau	17
82	09222076	ĐẶNG THỊ BÍCH	PHƯƠNG	phuong 2	Sau	18
83	09222077	NGUYỄN HUY	PHƯƠNG			19
84	09222078	TRƯƠNG ĐỊNH	PHƯƠNG			20
85	09222088	DƯƠNG THANH	QUANG	quang 1	Nhân	21
86	09222089	VŨ CÔNG	QUANG	quang 2	Sau	22
87	09222086	ĐẶNG XUÂN	QUÂN	quang 1	Sau	23
88	09222087	NGUYỄN HỒNG	QUÂN	quang 2	Sau	24
89	09222090	NGUYỄN THỊ NGỌC	QUÝ	quang 1	Nhân	25
90	09222085	VÕ	QUÝ	quang 1	Nhân	26
91	09222091	NGUYỄN THÀNH	RỤC	thanh 1	Nhân	27
92	09222094	LÊ THANH	SANG	thanh 1	Bau	28
93	09222095	NGUYỄN THỊ HỒNG	SEN	thanh 1	Sau	29
94	09222096	NGUYỄN VĂN	SIM	thanh 1	Bau	30
95	09222092	PHẠM LÊ XUÂN	SƠN			31
96	09222093	VÕ THANH	SƠN		Sau	32

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học Kỳ 2 - Năm Học 09-10

Lớp: TC09QTTD (Quản trị kinh doanh Thu Dục)

Môn Học Các ng. lý CB của CN Mác Lênin (200106-27)

CBGD Nguyễn Hồng Hải (065)

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Chữ ký SV	S.Tờ	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	
97	09222097	TRẦN TRUNG	TÁ	1	Sau	1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
98	09222099	CAO ĐỨC	TÀI	2	Nhan	2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
99	09222100	CHÂU TẤN	TÀI	1	Nhan	3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
100	09222101	PHẠM MINH	TÀI	1	Nhan	4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
101	09222102	VĂN THÀNH	TÀI	1	Nhan	5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
102	09222098	NGUYỄN NGỌC MINH	TÂN	1	Nhan	6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
103	09222104	PHẠM THỊ	THÁI	1	Nhan	7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
104	09222105	VÕ QUỐC	THÁI	2	Nhan	8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
105	09222110	NGUYỄN THỊ KIM	THÀNH	2	Nhan	9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
106	09222107	LÊ MINH	THÀNH	1	Bq	10	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
107	09222108	PHẠM TẤN	THÀNH	1	Bq	11	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
108	09222109	TRẦN THỊ THANH	THẢO	2	Nhan	12	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
109	09222103	NGUYỄN SỸ	THĂNG	1	Bq	13	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
110	09222111	PHAN THỊ BÍCH	THỊ	1	Bq	14	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
111	09222112	TRỊNH THỊ HOÀI	THỊ			15	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
112	09222113	CÙ HUY	THIỆM	1	Nhan	16	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
113	09222118	NGUYỄN CÔNG	THỊNH	1	Nhan	17	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
114	09222117	NGUYỄN ĐỨC	THỊNH			18	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
115	09222116	NGUYỄN THỊ	THOÀ			19	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
116	09222106	HOÀNG TRÍ	THÔNG	1	Nhan	20	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
117	09222119	HUỲNH THỊ LÊ	THU	1	Hai	21	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
118	09222120	NGUYỄN THỊ NGỌC	THU	1	Bq	22	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
119	09222121	NGUYỄN TRẦN CẨM	THU	1	Sau	23	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
120	09222115	TRƯƠNG MINH	THỤ	1	Nhan	24	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
121	09222122	ĐÓT ÍCH	THUẬN	1	Nhan	25	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
122	09222123	VÕ NGỌC	THUẬN	1	Nhan	26	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
123	09222114	TRẦN THỊ	THÚY	2	Sau	27	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
124	09222124	HUỲNH CÔNG	TIỀN			28	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
125	09222126	NGUYỄN QUỐC	TOÀN	2	Sau	29	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
126	09222127	NGUYỄN THANH	TOÀN	2	Sau	30	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
127	09222129	DƯƠNG THỊ THANH	TRANG			31	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
128	09222130	LÊ THỊ THU	TRANG	1	Bq	32	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học Kỳ 2 - Năm Học 09-10

Lớp: TC09QTTD (Quản trị kinh doanh Thu Dục)

Môn Học Các ng. lý CB của CN Mác Lênin (200106-27)

CBGD Nguyễn Hồng Hải (665)

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Chữ ký SV	S.Từ	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên
129	09222131	PHẠM THỊ HUYỀN	TRANG	1	Sinh	1
130	09222128	NGUYỄN ĐĂNG NGUYỆT	TRÂM	2	Sinh	2
131	09222132	LƯU KIM	TRINH	2	Bau	3
132	09222133	NGUYỄN THỊ TUYẾT	TRINH	2	Sinh	4
133	09222134	THÁI VĂN	TRINH			5
134	09222135	NGUYỄN THỊ	TRONG	2	Bau	6
135	09222136	LÊ TIẾN ĐỨC	TRUNG	1	Nam	7
136	09222137	NGUYỄN QUANG	TRUNG	2	Sinh	8
137	09222138	PHẠM MINH	TRUNG			9
138	09222139	ĐOÀN THỊ	TRUYỀN	1	Bau	10
139	09222125	NGUYỄN THỤY	TÚ	1	Sinh	11
140	09222140	NGUYỄN XUÂN	TUẤN	1	Sinh	12
141	09222141	PHẠM ANH	TUẤN	1	Nam	13
142	09222142	TRẦN CÔNG	TUẤN	2	Sinh	14
143	09222143	ĐỖ THỊ MỘNG	TUYỀN	2	Sinh	15
144	09222144	NGUYỄN THỊ NGỌC	TUYỀN	1	Sinh	16
145	09222145	PHẠM THỊ	TUYẾT	1	Sinh	17
146	09222146	TRẦN THỊ LY	UYÊN	1	Sinh	18
147	09222147	PHẠM QUANG	VINH	1	Sinh	19
148	09222148	TRIỆU QUANG	VINH	2	Sinh	20
149	09222149	NGUYỄN TUẤN	VŨ	1	Nam	21
150	09222150	PHAN PHI	VŨ	1	Nam	22
151	09222151	HUỲNH THÁI TRANG	VY	2	Nam	23
152	09222152	NGUYỄN THỊ KIM	XUYỀN	1	Nam	24
09222155		Phan Văn Hòa		2	Bau	25
09222153		Lê Nữ Lê Hằng		2	Sinh	26
125 học						27
168 học						28
						29
						30
						31
						32

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học Kỳ 2 - Năm Học 09-10

Lớp: TC09QTTD (Quản trị kinh doanh Thu Dục)

Môn Học Pháp luật đại cương (202622-15)

CBGD

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Chữ ký SV	S.Tờ	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên
1	09222001	NGUYỄN NGỌC THÚY	AN	<i>AN</i>	8	1 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
2	09222002	ĐẶNG LAN	ANH	<i>ANH</i>	7	2 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
3	09222003	LÊ HUỖNH NGỌC	ANH	<i>ANH</i>	7	3 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
4	09222004	NGUYỄN THỊ LAN	ANH		V	4 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
5	09222005	ĐỖ THỊ AN	BÌNH	<i>AN</i>	7	5 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
6	09222006	NGUYỄN DUY	BÌNH	<i>DUY</i>	7	6 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
7	09222009	NGUYỄN THỊ NGỌC	CHÂU	<i>CHAU</i>	8	7 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
8	09222010	PHẠM THỊ KIM	CHÂU	<i>Kim</i>	7	8 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
9	09222007	NGUYỄN HẢI	CÓ		V	9 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
10	09222011	BÙI THỊ	CÚC	<i>CUC</i>	8	10 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
11	09222008	NGUYỄN DOÃN	CƯỜNG	<i>DOAN</i>	5	11 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
12	09222014	LÊ THỊ BÍCH	DIỆU		V	12 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
13	09222015	PHẠM CHÍ	DU	<i>CHI</i>	9	13 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
14	09222012	HUỖNH HẢI	DƯƠNG	<i>HAI</i>	6	14 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
15	09222013	NGUYỄN QUỐC	DƯƠNG	<i>QUOC</i>	8	15 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
16	09222016	ĐỖ TRỌNG	ĐÀN	<i>TRONG</i>	6	16 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
17	09222017	NGUYỄN CHƯƠNG	ĐẠO	<i>CHUONG</i>	5	17 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
18	09222018	ĐẶNG HẢI	ĐĂNG		V	18 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
19	09222019	LÊ THỊ TUYẾT	GIANG	<i>TUYET</i>	8	19 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
20	09222023	NGUYỄN CHÍ	HÀ		V	20 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
21	09222024	DƯƠNG HỒ	HẢI	<i>HAI</i>	6	21 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
22	09222025	CAO THỊ KIỀU	HẠNH	<i>KIEU</i>	5	22 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
23	09222020	MAI THANH	HĂNG	<i>THANH</i>	6	23 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
24	09222021	TRẦN PHƯƠNG	HĂNG	<i>PHUONG</i>	6	24 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
25	09222028	LƯU THỊ	HIỀN	<i>THI</i>	9	25 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
26	09222030	NGUYỄN SƠN	HIỂN	<i>SON</i>	5	26 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
27	09222031	LÊ TRUNG	HIỆP	<i>TRUNG</i>	4	27 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
28	09222033	TRẦN THỊ THANH	HOA	<i>THANH</i>	9	28 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
29	09222035	ĐẶNG PHƯỚC	HÒA	<i>PHUOC</i>	5	29 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
30	09222026	LƯU MINH	HÓA		V	30 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
31	09222027	PHAN VĂN	HÓA	<i>PHAN</i>	5	31 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
32	09222034	ĐINH HUY	HOAN	<i>HUY</i>	5	32 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học Kỳ 2 - Năm Học 09-10

Lớp: TC09QTTD (Quản trị kinh doanh Thu Dục)

Môn Học Pháp luật đại cương (202622-15)

CBGD

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Chữ ký SV	S.Tờ	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên
33	09222036	LÝ NGỌC	HUỆ	7	1	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
34	09222037	VÕ THỊ NGỌC	HUỆ	5	2	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
35	09222029	TẶNG VĂN	HÙNG	V	3	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
36	09222038	ĐẶNG THU THU	HUYỀN	V	4	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
37	09222039	THIỆM THỊ	HUYỀN	8	5	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
38	09222032	BÙI QUỐC	HÙNG	5	6	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
39	09222022	TRẦN THỊ	HƯƠNG	5	7	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
40	09222042	BÙI NGÔ NGỌC	KHANH	7	8	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
41	09222040	LÊ NGỌC QUỐC	KHÁNH	6	9	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
42	09222043	NGUYỄN HOÀNG	KHIÊM	6	10	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
43	09222044	NGUYỄN NHƯ	KHOA	5	11	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
44	09222041	NGÔ TUẤN	KHÔI	3	12	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
45	09222045	NGUYỄN HOA	KỶ	3	13	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
46	09222047	LÊ THỊ TUYẾT	LAN	V	14	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
47	09222046	LÝ DUY	LÂM	V	15	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
48	09222049	TRẦN THỊ THÙY	LIÊN	7	16	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
49	09222051	NGUYỄN THỊ MỸ	LINH	8	17	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
50	09222052	PHẠM ĐÌNH NGỌC	LINH	7	18	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
51	09222053	BÙI NGỌC	LONG	8	19	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
52	09222054	LÊ MINH	LONG	4	20	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
53	09222055	NGUYỄN VIỆT	LONG	7	21	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
54	09222048	PHẠM THỊ XUÂN	LỘC	6	22	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
55	09222050	NGÔ THÁI	LỢI	6	23	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
56	09222056	HUYỀN THỊ	LY	6	24	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
57	09222057	VÕ HÀ NGỌC	MAI	6	25	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
58	09222058	MAURACHE	MAY	6	26	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
59	09222059	DƯƠNG THÀNH	NAM	6	27	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
60	09222062	HỒ THỊ	NGA	8	28	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
61	09222061	LÊ THANH	NGÂN	8	29	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
62	09222063	CHẾ THỊ	NGỌC	V	30	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
63	09222064	NGUYỄN NGỌC	NGỌC	V	31	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
64	09222065	NGUYỄN VĂN	NGỌC	5	32	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học Kỳ 2 - Năm Học 09-10

Lớp: TC09QTTD (Quản trị kinh doanh Thu Dục)
Môn Học: Pháp luật đại cương (202622-15)
CBGD

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Chữ ký SV	S.TỜ	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên
65	09222066	TRẦN	NGUYỄN	1	6	1 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
66	09222067	VÕ THỊ	NGUYỄN	1	✓	2 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
67	09222069	TRẦN THỊ	NHÂN	1	8	3 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
68	09222070	PHẠM THỊ CẨM	NHÂN	1	✓	4 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
69	09222068	TRẦN THANH	NHÂN	1	5	5 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
70	09222072	TRẦN THỊ CẨM	NHUNG	1	5	6 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
71	09222071	TRƯƠNG THỊ THANH	NHUNG	1	5	7 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
72	09222073	LÊ MINH	NHỰT	1	5	8 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
73	09222075	NGUYỄN A	NÍCH	1	✓	9 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
74	09222074	TRẦN MẠNH	NINH	1	✓	10 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
75	09222060	HOÀNG ĐỊNH	NỘI	1	✓	11 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
76	09222083	NGUYỄN ĐỨC	PHONG	1	6	12 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
77	09222079	SỸ DANH	PHÚ	1	6	13 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
78	09222080	NGUYỄN ĐĂNG HOÀI D	PHÚC	1	8	14 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
79	09222081	NGUYỄN QUỐC	PHÚC	1	8	15 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
80	09222082	NGUYỄN THỊ HỒNG	PHÚC	1	✓	16 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
81	09222084	NGUYỄN THỊ KIM	PHỤNG	1	6	17 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
82	09222076	ĐẶNG THỊ BÍCH	PHƯƠNG	1	6	18 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
83	09222077	NGUYỄN HUY	PHƯƠNG	1	✓	19 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
84	09222078	TRƯƠNG ĐÌNH	PHƯƠNG	1	✓	20 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
85	09222088	DƯƠNG THANH	QUANG	1	6	21 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
86	09222089	VŨ CÔNG	QUANG	1	6	22 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
87	09222086	ĐẶNG XUÂN	QUÂN	1	8	23 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
88	09222087	NGUYỄN HỒNG	QUÂN	1	5	24 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
89	09222090	NGUYỄN THỊ NGỌC	QUÝ	1	6	25 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
90	09222085	VÕ	QUÝ	1	7	26 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
91	09222091	NGUYỄN THÀNH	RỰC	1	5	27 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
92	09222094	LÊ THANH	SANG	1	4	28 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
93	09222095	NGUYỄN THỊ HỒNG	SEN	1	5	29 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
94	09222096	NGUYỄN VĂN	SIM	1	5	30 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
95	09222092	PHẠM LÊ XUÂN	SƠN	1	✓	31 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
96	09222093	VÕ THANH	SƠN	1	6	32 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học Kỳ 2 - Năm Học 09-10

Lớp: TC09QTTD (Quản trị kinh doanh Thu Dục)
Môn Học: Pháp luật đại cương (202622-15)
CBGD

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Chữ ký SV	S.Tờ	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên
97	09222097	TRẦN TRUNG	TÁ	1	5	1 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
98	09222099	CAO ĐỨC	TÀI	1	7	2 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
99	09222100	CHÂU TẤN	TÀI	1	7	3 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
100	09222101	PHẠM MINH	TÀI	1	6	4 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
101	09222102	VĂN THÀNH	TÀI	1	6	5 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
102	09222098	NGUYỄN NGỌC MINH	TÂN	1	6	6 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
103	09222104	PHẠM THỊ	THÁI	1	2	7 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
104	09222105	VÕ QUỐC	THÁI	1	8	8 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
105	09222110	NGUYỄN THỊ KIM	THANH	1	6	9 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
106	09222107	LÊ MINH	THÀNH	1	5	10 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
107	09222108	PHẠM TẤN	THÀNH	1	7	11 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
108	09222109	TRẦN THỊ THANH	THẢO	1	7	12 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
109	09222103	NGUYỄN SỸ	THẮNG	1	6	13 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
110	09222111	PHAN THỊ BÍCH	THỊ	1	8	14 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
111	09222112	TRINH THỊ HOÀI	THỊ	1	V	15 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
112	09222113	CÙ HUY	THIỆM	1	7	16 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
113	09222118	NGUYỄN CÔNG	THỊNH	1	7	17 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
114	09222117	NGUYỄN ĐỨC	THỊNH	1	V	18 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
115	09222116	NGUYỄN THỊ	THOA	1	V	19 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
116	09222106	HOÀNG TRÍ	THÔNG	1	8	20 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
117	09222119	HUỲNH THỊ LÊ	THU	1	9	21 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
118	09222120	NGUYỄN THỊ NGỌC	THU	1	9	22 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
119	09222121	NGUYỄN TRẦN CẨM	THU	1	8	23 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
120	09222115	TRƯƠNG MINH	THU	1	4	24 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
121	09222122	ĐOÍ ÍCH	THUẬN	1	5	25 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
122	09222123	VÕ NGỌC	THUẬN	1	4	26 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
123	09222114	TRẦN THỊ	THÚY	1	6	27 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
124	09222124	HUỲNH CÔNG	TIỀN	1	V	28 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
125	09222126	NGUYỄN QUỐC	TOÀN	1	8	29 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
126	09222127	NGUYỄN THANH	TOÀN	1	5	30 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
127	09222129	DƯƠNG THỊ THANH	TRANG	1	V	31 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
128	09222130	LÊ THỊ THU	TRANG	1	7	32 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học Kỳ 2 - Năm Học 09-10

Lớp: TC09QTDD (Quản trị kinh doanh Thu Dục)
Môn Học: Pháp luật đại cương (202622-15)
CBGD

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Chữ ký SV	S.Từ	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên
129	09222131	PHẠM THỊ HUYỀN	TRANG	1	7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
130	09222128	NGUYỄN ĐĂNG NGUYỆT	TRÂM	1	5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
131	09222132	LƯU KIM	TRINH	1	5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
132	09222133	NGUYỄN THỊ TUYẾT	TRINH	1	5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
133	09222134	THÁI VẤN	TRINH	1	5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
134	09222135	NGUYỄN THỊ	TRONG	1	6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
135	09222136	LÊ TIẾN ĐỨC	TRUNG	1	4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
136	09222137	NGUYỄN QUANG	TRUNG	1	8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
137	09222138	PHẠM MINH	TRUNG	1	5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
138	09222139	ĐOÀN THỊ	TRUYỀN	1	6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
139	09222125	NGUYỄN THUY	TÚ	1	6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
140	09222140	NGUYỄN XUÂN	TUẤN	1	7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
141	09222141	PHẠM ANH	TUẤN	1	6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
142	09222142	TRẦN CÔNG	TUẤN	1	6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
143	09222143	ĐỖ THỊ MỘNG	TUYỀN	1	6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
144	09222144	NGUYỄN THỊ NGỌC	TUYỀN	1	6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
145	09222145	PHẠM THỊ	TUYẾT	1	4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
146	09222146	TRẦN THỊ LY	UYÊN	1	5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
147	09222147	PHẠM QUANG	VINH	1	6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
148	09222148	TRIỆU QUANG	VINH	1	6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
149	09222149	NGUYỄN TUẤN	VŨ	1	6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
150	09222150	PHAN PHI	VŨ	1	6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
151	09222151	HUỲNH THÁI TRANG	VY	1	6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
152	09222152	NGUYỄN THỊ KIM	XUYẾN	1	7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
153	09222153	Lê Thị Lê	Hằng	1	7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
154	09222015	Phan Văn Hậu	Phan Văn	1	7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
126						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
127						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
128						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
129						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
130						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
131						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
132						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
133						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
134						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
135						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
136						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
137						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
138						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
139						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
140						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
141						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
142						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
143						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
144						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
145						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
146						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
147						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
148						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
149						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
150						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
151						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
152						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học Kỳ 2 - Năm Học 09-10

Lớp: TC09QTTD (Quản trị kinh doanh Thu Dục)

Môn Học Anh văn 1 (213601-56)

CBGD Huỳnh Thị Cẩm Loan (638)

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Chữ ký SV	S.Tờ	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên
33	09222036	LÝ NGỌC	HUỆ		6	1 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
34	09222037	VÕ THỊ NGỌC	HUỆ		5	2 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
35	09222029	TẶNG VĂN	HÙNG			3 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
36	09222038	ĐẶNG THU THU	HUYỀN			4 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
37	09222039	THIỆM THỊ	HUYỀN		7	5 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
38	09222032	BÙI QUỐC	HƯNG		6	6 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
39	09222022	TRẦN THỊ	HƯƠNG		6	7 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
40	09222042	BÙI NGÔ NGỌC	KHANH		6	8 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
41	09222040	LÊ NGỌC QUỐC	KHÁNH		5	9 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
42	09222043	NGUYỄN HOÀNG	KHIÊM		5	10 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
43	09222044	NGUYỄN NHƯ	KHOA		4	11 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
44	09222041	NGÔ TUẤN	KHÔI		5	12 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
45	09222045	NGUYỄN HOA	KỲ		3	13 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
46	09222047	LÊ THỊ TUYẾT	LAN			14 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
47	09222046	LÝ DUY	LÂM			15 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
48	09222049	TRẦN THỊ THÙY	LIÊN		5	16 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
49	09222051	NGUYỄN THỊ MỸ	LINH		6	17 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
50	09222052	PHẠM ĐÌNH NGỌC	LINH		8	18 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
51	09222053	BÙI NGỌC	LONG		7	19 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
52	09222054	LÊ MINH	LONG		6	20 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
53	09222055	NGUYỄN VIỆT	LONG		7	21 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
54	09222048	PHẠM THỊ XUÂN	LỘC		6	22 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
55	09222050	NGÔ THÁI	LỢI		6	23 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
56	09222056	HUỲNH THỊ	LY		6	24 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
57	09222057	VÕ HÀ NGỌC	MAI		7	25 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
58	09222058	MAURACHE	MAY		6	26 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
59	09222059	DƯƠNG THÀNH	NAM		7	27 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
60	09222062	HỒ THỊ	NGA		5	28 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
61	09222061	LÊ THANH	NGÂN		7	29 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
62	09222063	CHẾ THỊ	NGỌC			30 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
63	09222064	NGUYỄN NGỌC	NGỌC			31 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
64	09222065	NGUYỄN VĂN	NGỌC		8	32 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học Kỳ 2 - Năm Học 09-10

Lớp: TC09QTTD (Quản trị kinh doanh Thu Dục)

Môn Học Anh văn 1 (213601-56)

CBGD Huỳnh Thị Cẩm Loan (638)

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Chữ ký SV	S.Từ	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên
1	09222001	NGUYỄN NGỌC THÚY	AN	3	1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
2	09222002	ĐẶNG LAN	ANH	5	2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
3	09222003	LÊ HUỖNH NGỌC	ANH	6	3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
4	09222004	NGUYỄN THỊ LAN	ANH	6	4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
5	09222005	ĐỖ THỊ AN	BÌNH	8	5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
6	09222006	NGUYỄN DUY	BÌNH	5	6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
7	09222009	NGUYỄN THỊ NGỌC	CHÂU	5	7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
8	09222010	PHẠM THỊ KIM	CHÂU	5	8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
9	09222007	NGUYỄN HẢI	CÓ		9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
10	09222011	BÙI THỊ	CÚC	5	10	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
11	09222008	NGUYỄN DOÃN	CƯỜNG	5	11	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
12	09222014	LÊ THỊ BÍCH	DIỆU		12	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
13	09222015	PHẠM CHÍ	DU	7	13	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
14	09222012	HUỖNH HẢI	DƯƠNG	5	14	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
15	09222013	NGUYỄN QUỐC	DƯƠNG	6	15	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
16	09222016	ĐỖ TRỌNG	ĐÀN	7	16	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
17	09222017	NGUYỄN CHƯƠNG	ĐẠO	5	17	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
18	09222018	ĐẶNG HẢI	ĐĂNG		18	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
19	09222019	LÊ THỊ TUYẾT	GIANG	6	19	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
20	09222023	NGUYỄN CHÍ	HÀ		20	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
21	09222024	DƯƠNG HỒ	HẢI	5	21	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
22	09222025	CAO THỊ KIỀU	HẠNH	5	22	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
23	09222020	MAI THANH	HẶNG	5	23	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
24	09222021	TRẦN PHƯƠNG	HẶNG	6	24	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
25	09222028	LƯU THỊ	HIỀN	8	25	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
26	09222030	NGUYỄN SƠN	HIỀN	6	26	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
27	09222031	LÊ TRUNG	HIỆP	3	27	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
28	09222033	TRẦN THỊ THANH	HOA	8	28	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
29	09222035	ĐẶNG PHƯỚC	HÒA	4	29	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
30	09222026	LƯU MINH	HÓA		30	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
31	09222027	PHAN VĂN	HÓA	5	31	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
32	09222034	ĐÌNH HUY	HOAN	6	32	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học Kỳ 2 - Năm Học 09-10

Lớp: TC09QTTD (Quản trị kinh doanh Thu Dục)

Môn Học Anh văn 1 (213601-56)

CBGD Huỳnh Thị Cẩm Loan (638)

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Chữ ký SV	S.Tờ	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên
65	09222066	TRẦN NGUYỄN			6	1 ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
66	09222067	VÕ THỊ NGUYỄN				2 ☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
67	09222069	TRẦN THỊ NHÀN			7	3 ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
68	09222070	PHẠM THỊ CẨM NHÀN				4 ☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
69	09222068	TRẦN THANH NHÂN			7	5 ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
70	09222072	TRẦN THỊ CẨM NHUNG			5	6 ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
71	09222071	TRƯƠNG THỊ THANH NHUNG			8	7 ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☒ 8 ☐ 9 ☐ 10
72	09222073	LÊ MINH NHỰT			6	8 ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
73	09222075	NGUYỄN A NÍCH				9 ☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
74	09222074	TRẦN MẠNH NINH				10 ☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
75	09222060	HOÀNG ĐỊNH NỘI				11 ☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
76	09222083	NGUYỄN ĐỨC PHONG			5	12 ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
77	09222079	SỸ DANH PHÚ			4	13 ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
78	09222080	NGUYỄN ĐĂNG HOÀI D PHÚC			8	14 ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☒ 8 ☐ 9 ☐ 10
79	09222081	NGUYỄN QUỐC PHÚC			7	15 ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
80	09222082	NGUYỄN THỊ HỒNG PHÚC			8	16 ☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
81	09222084	NGUYỄN THỊ KIM PHỤNG			8	17 ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☒ 8 ☐ 9 ☐ 10
82	09222076	ĐẶNG THỊ BÍCH PHƯƠNG			7	18 ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
83	09222077	NGUYỄN HUY PHƯƠNG				19 ☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
84	09222078	TRƯƠNG ĐÌNH PHƯƠNG				20 ☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
85	09222088	ĐƯƠNG THANH QUANG			5	21 ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
86	09222089	VŨ CÔNG QUANG			6	22 ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
87	09222086	ĐẶNG XUÂN QUÂN			7	23 ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
88	09222087	NGUYỄN HỒNG QUÂN			6	24 ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
89	09222090	NGUYỄN THỊ NGỌC QUÝ			7	25 ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
90	09222085	VÕ QUÝ			7	26 ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
91	09222091	NGUYỄN THÀNH RỰC			5	27 ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
92	09222094	LÊ THANH SANG			6	28 ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
93	09222095	NGUYỄN THỊ HỒNG SEN			6	29 ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
94	09222096	NGUYỄN VĂN SIM			6	30 ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
95	09222092	PHẠM LÊ XUÂN SON				31 ☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
96	09222093	VÕ THANH SON			7	32 ☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học Kỳ 2 - Năm Học 09-10

Lớp: TC09QTTD (Quản trị kinh doanh Thu Dục)

Môn Học Anh văn 1 (213601-56)

CBGD Huỳnh Thị Cẩm Loan (638)

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Chữ ký SV	S.Tờ	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên
97	09222097	TRẦN TRUNG	TÁ	7	1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
98	09222099	CAO ĐỨC	TÀI	8	2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
99	09222100	CHÂU TẤN	TÀI	8	3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
100	09222101	PHẠM MINH	TÀI	6	4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
101	09222102	VĂN THÀNH	TÀI	6	5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
102	09222098	NGUYỄN NGỌC MINH	TÂN	6	6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
103	09222104	PHẠM THỊ	THÁI	6	7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
104	09222105	VÕ QUỐC	THÁI	6	8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
105	09222110	NGUYỄN THỊ KIM	THANH	7	9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
106	09222107	LÊ MINH	THÀNH	6	10	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
107	09222108	PHẠM TẤN	THÀNH	6	11	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
108	09222109	TRẦN THỊ THANH	THẢO	7	12	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
109	09222103	NGUYỄN SỸ	THĂNG	6	13	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
110	09222111	PHAN THỊ BÍCH	THỊ	7	14	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
111	09222112	TRỊNH THỊ HOÀI	THỊ		15	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
112	09222113	CÙ HUY	THIỆM	6	16	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
113	09222118	NGUYỄN CÔNG	THỊNH	6	17	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
114	09222117	NGUYỄN ĐỨC	THỊNH		18	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
115	09222116	NGUYỄN THỊ	THOẠI		19	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
116	09222106	HOÀNG TRÍ	THÔNG	6	20	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
117	09222119	HUỲNH THỊ LÊ	THU	7	21	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
118	09222120	NGUYỄN THỊ NGỌC	THU	5	22	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
119	09222121	NGUYỄN TRẦN CẨM	THU	7	23	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
120	09222115	TRƯƠNG MINH	THỤ	3	24	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
121	09222122	ĐOÍ ÍCH	THUẬN	5	25	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
122	09222123	VÕ NGỌC	THUẬN	4	26	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
123	09222114	TRẦN THỊ	THỦY	4	27	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
124	09222124	HUỲNH CÔNG	TIỀN		28	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
125	09222126	NGUYỄN QUỐC	TOÀN	5	29	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
126	09222127	NGUYỄN THANH	TOÀN	8	30	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
127	09222129	DƯƠNG THỊ THANH	TRANG		31	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
128	09222130	LÊ THỊ THU	TRANG	7	32	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học Kỳ 2 - Năm Học 09-10

Lớp: TC09QTTD (Quản trị kinh doanh Thu Dục)

Môn Học Anh văn 1 (213601-56)

CBGD Huỳnh Thị Cẩm Loan (638)

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Chữ ký SV	S.Tờ	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên
129	09222131	PHẠM THỊ HUYỀN	TRANG	5	1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
130	09222128	NGUYỄN ĐĂNG NGUYỆT	TRÂM	6	2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
131	09222132	LƯU KIM	TRINH	6	3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
132	09222133	NGUYỄN THỊ TUYẾT	TRINH	6	4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
133	09222134	THÁI VĂN	TRINH	5	5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
134	09222135	NGUYỄN THỊ	TRONG	7	6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
135	09222136	LÊ TIẾN ĐỨC	TRUNG	5	7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
136	09222137	NGUYỄN QUANG	TRUNG	5	8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
137	09222138	PHẠM MINH	TRUNG	5	9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
138	09222139	ĐOÀN THỊ	TRUYỀN	7	10	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
139	09222125	NGUYỄN THUY	TÚ	7	11	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
140	09222140	NGUYỄN XUÂN	TUÂN	5	12	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
141	09222141	PHẠM ANH	TUÂN	5	13	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
142	09222142	TRẦN CÔNG	TUÂN	5	14	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
143	09222143	ĐỖ THỊ MỘNG	TUYỀN	7	15	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
144	09222144	NGUYỄN THỊ NGỌC	TUYỀN	7	16	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
145	09222145	PHẠM THỊ	TUYẾT	7	17	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
146	09222146	TRẦN THỊ LY	UYÊN	5	18	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
147	09222147	PHẠM QUANG	VINH	7	19	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
148	09222148	TRIỆU QUANG	VINH	7	20	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
149	09222149	NGUYỄN TUÂN	VŨ	6	21	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
150	09222150	PHAN PHI	VŨ	5	22	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
151	09222151	HUYỀN THÁI TRANG	VY	7	23	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
152	09222152	NGUYỄN THỊ KIM	XUYỀN	5	24	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
		Lê Mỹ Lệ	không	9	25	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
		Phan Minh	không	5	26	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
					27	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
					28	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
					29	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
					30	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
					31	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
					32	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC- (THI LẦN 2)

Học Kỳ 2 - Năm Học 09-10

Lớp: TC09QTDD (Quản trị kinh doanh Thu Dục)

Môn Học Toán cao cấp C1 (202114-03)

CBGD Đặng Thành Danh (512)

STT	Mã SV	Họ Và Tên	S.Tờ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên
1	09222002	ĐẶNG LAN ANH	1		Năm	1 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
2	09222003	LÊ HUỖNH NGỌC	2		Năm	2 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
3	09222004	NGUYỄN THỊ LAN			✓	3 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
4	09222005	ĐỖ THỊ AN BÌNH	1		Năm	4 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
5	09222006	NGUYỄN DUY BÌNH	1		Sau	5 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
6	09222009	NGUYỄN THỊ NGỌC CHÂU	2		Năm	6 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
7	09222007	NGUYỄN HẢI CỎ			✓	7 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
8	09222008	NGUYỄN DOÃN CƯỜNG	2		Năm	8 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
9	09222014	LÊ THỊ BÍCH DIỆU			✓	9 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
10	09222015	PHẠM CHÍ DU	2		Năm	10 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
11	09222012	HUỖNH HẢI DƯƠNG	1		Năm	11 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
12	09222017	NGUYỄN CHƯƠNG ĐẠO	2		Sau	12 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
13	09222018	ĐẶNG HẢI ĐĂNG	2		Năm	13 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
14	09222023	NGUYỄN CHÍ HÀ			✓	14 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
15	09222024	DƯƠNG HỒ HẢI	2		Sau	15 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
16	09222020	MAI THANH HẠNG	2		Năm	16 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
17	09222021	TRẦN PHƯƠNG HẠNG	1		Sau	17 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
18	09222155	PHAN VĂN HẬU	2		Năm	18 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
19	09222030	NGUYỄN SƠN HIẾN	2		Sau	19 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
20	09222031	LÊ TRUNG HIỆP	1		Hai	20 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
21	09222026	LƯU MINH HÓA			✓	21 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
22	09222027	PHAN VĂN HÓA	1		Sau	22 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
23	09222034	ĐÌNH HUY HOAN	2		Sau	23 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
24	09222036	LÝ NGỌC HUỆ	2		Sau	24 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
25	09222037	VÕ THỊ NGỌC HUỆ			✓	25 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
26	09222029	TẶNG VĂN HÙNG			✓	26 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
27	09222154	TRỊNH HÀ VIỆT	2		Sau	27 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
28	09222038	ĐẶNG THU THU HUYỀN			✓	28 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
29	09222043	NGUYỄN HOÀNG KHIÊM			✓	29 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
30	09222041	NGÔ TUẤN KHÔI	1		Sau	30 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
31	09222045	NGUYỄN HOA KỲ	1		Năm	31 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
32	09222047	LÊ THỊ TUYẾT LAN			✓	32 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC- (THI LẦN 2)

Học Kỳ 2 - Năm Học 09-10

Lớp: TC09QTTD (Quản trị kinh doanh Thu Dục)
Môn Học Toán cao cấp C1 (202114-03)
CBGD Đặng Thành Danh (512)

STT	Mã SV	Họ Và Tên	S.TỜ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên
33	09222046	LÝ DUY LÂM			✓	1 ● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
34	09222049	TRẦN THỊ THÙY LIÊN	1	<i>Liên</i>	Năm	2 V 0 1 2 3 4 ● 6 7 8 9 10
35	09222053	BÙI NGỌC LONG	2	<i>Tuấn</i>	Sau	3 V 0 1 2 3 4 5 ● 7 8 9 10
36	09222057	VÕ HÀ NGỌC MAI	1	<i>giao</i>	Năm	4 V 0 1 2 3 4 ● 6 7 8 9 10
37	09222063	CHẾ THỊ NGỌC			✓	5 ● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
38	09222064	NGUYỄN NGỌC NGỌC	1	<i>Ngọc</i>	Sau	6 V 0 1 2 3 4 5 ● 7 8 9 10
39	09222065	NGUYỄN VĂN NGỌC	2	<i>Ngọc</i>	Sau	7 V 0 1 2 3 4 5 ● 7 8 9 10
40	09222066	TRẦN NGUYỄN			✓	8 ● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
41	09222067	VÕ THỊ NGUYỄN			✓	9 ● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
42	09222070	PHẠM THỊ CẨM NHANH			✓	10 ● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
43	09222075	NGUYỄN A NÍCH			✓	11 ● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
44	09222074	TRẦN MẠNH NINH			✓	12 ● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
45	09222060	HOÀNG ĐỊNH NỘI			✓	13 ● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
46	09222079	SỸ DANH PHÚ	2	<i>Phú</i>	Năm	14 V 0 1 2 3 4 ● 6 7 8 9 10
47	09222082	NGUYỄN THỊ HỒNG PHÚC			✓	15 ● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
48	09222077	NGUYỄN HUY PHƯƠNG			✓	16 ● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
49	09222078	TRƯƠNG ĐÌNH PHƯƠNG			✓	17 ● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
50	09222091	NGUYỄN THÀNH RỰC	1	<i>Thành</i>	Một	18 V 0 ● 2 3 4 5 6 7 8 9 10
51	09222094	LÊ THANH SANG			✓	19 ● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
52	09222095	NGUYỄN THỊ HỒNG SEN	1	<i>Sen</i>	Năm	20 V 0 1 2 3 4 ● 6 7 8 9 10
53	09222096	NGUYỄN VĂN SIM	1	<i>Sim</i>	Sau	21 V 0 1 2 3 4 5 ● 7 8 9 10
54	09222092	PHẠM LÊ XUÂN SƠN			✓	22 ● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
55	09222101	PHẠM MINH TÀI			✓	23 ● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
56	09222105	VÕ QUỐC THÁI	2	<i>Thái</i>	Năm	24 V 0 1 2 3 4 ● 6 7 8 9 10
57	09222103	NGUYỄN SỸ THẮNG	1	<i>Thắng</i>	Sau	25 V 0 1 2 3 4 5 ● 7 8 9 10
58	09222112	TRỊNH THỊ HOÀI THI			✓	26 ● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
59	09222113	CÙ HUY THIÊM	1	<i>Huy</i>	Ba	27 V 0 1 2 ● 4 5 6 7 8 9 10
60	09222118	NGUYỄN CÔNG THỊNH	1	<i>Thịnh</i>	Ba	28 V 0 1 2 ● 4 5 6 7 8 9 10
61	09222117	NGUYỄN ĐỨC THỊNH			✓	29 ● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
62	09222116	NGUYỄN THỊ THOA			✓	30 ● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
63	09222106	HOÀNG TRÍ THÔNG	2	<i>Trí</i>	Năm	31 V 0 1 2 3 4 ● 6 7 8 9 10
64	09222120	NGUYỄN THỊ NGỌC THU	2	<i>Ngọc</i>	Bảy	32 V 0 1 2 3 4 5 6 ● 8 9 10

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC- (THI LẦN 2)

Học Kỳ 2 - Năm Học 09-10

Lớp: TC09QTTD (Quản trị kinh doanh Thu Dục)

Môn Học Toán cao cấp C1 (202114-03)

CBGD Đặng Thành Danh (512)

STT	Mã SV	Họ Và Tên	S.TỜ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên
65	09222115	TRƯƠNG MINH THỤ	1	Thụ	Không	1 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
66	09222123	VÕ NGỌC THUẬN			✓	2 (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
67	09222124	HUỖNH CÔNG TIẾN			✓	3 (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
68	09222129	DƯƠNG THỊ THANH TRANG			✓	4 (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
69	09222130	LÊ THỊ THU TRANG	2	Thụ	Bảy	5 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
70	09222131	PHẠM THỊ HUYỀN TRANG	1	Thụ	Hai	6 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
71	09222128	NGUYỄN ĐĂNG NGUYỆT TRÂM	2	Như	Năm	7 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
72	09222132	LƯU KIM TRINH	2	Kim	Năm	8 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
73	09222134	THÁI VĂN TRINH			✓	9 (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
74	09222136	LÊ TIẾN ĐỨC TRUNG	1	Đức	Năm	10 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
75	09222138	PHẠM MINH TRUNG			✓	11 (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
76	09222145	PHẠM THỊ TUYẾT	2	Tuyết	Năm	12 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
77	09222146	TRẦN THỊ LY UYÊN	1	Ly	Ba	13 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
78	09222150	PHAN PHI VŨ	1	Phi	Năm	14 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
79	09222151	HUỖNH THÁI TRANG VY	2	Thụ	Sáu	15 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
80	09222152	NGUYỄN THỊ KIM XUYẾN	1	Kim	Năm	16 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
						17 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
						18 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
						19 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
						20 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
						21 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
						22 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
						23 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
						24 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
						25 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
						26 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
						27 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
						28 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
						29 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
						30 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
						31 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
						32 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP HCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng

04960

Trang 1/2

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC- (THI LẦN 2)

Học Kỳ 2 - Năm Học 09-10

R26/10/2010

Lớp: TC09QTDD (Quản trị kinh doanh Thu Dục)

Môn Học Anh văn 1 (213601-56)

CBGD Huỳnh Thị Cẩm Loan (638)

STT	Mã SV	Họ Và Tên	S.Tờ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên
1	09222001	NGUYỄN NGỌC THÚY	AN	<i>nam</i>	5	1 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
2	09222007	NGUYỄN HẢI	CÓ			2 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
3	09222014	LÊ THỊ BÍCH	DIỆU			3 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
4	09222018	ĐẶNG HẢI	ĐẶNG	<i>KO</i>	2	4 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
5	09222023	NGUYỄN CHÍ	HÀ			5 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
6	09222031	LÊ TRUNG	HIỆP	<i>Hiệp</i>	2	6 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
7	09222035	ĐẶNG PHƯỚC	HÒA	<i>Phuoc</i>	5	7 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
8	09222026	LƯU MINH	HÓA			8 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
9	09222029	TẶNG VĂN	HÙNG			9 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
10	09222154	TRỊNH HÀ VIỆT	HUY	<i>Trinh</i>	8	10 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
11	09222038	ĐẶNG THU THU	HUYỀN			11 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
12	09222044	NGUYỄN NHƯ	KHOA	<i>Như</i>	4	12 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
13	09222045	NGUYỄN HOA	KỲ	<i>Hoa</i>	5	13 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
14	09222047	LÊ THỊ TUYẾT	LAN			14 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
15	09222046	LÝ DUY	LÂM			15 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
16	09222063	CHẾ THỊ	NGỌC			16 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
17	09222064	NGUYỄN NGỌC	NGỌC	<i>Ngoc</i>	6	17 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
18	09222067	VÕ THỊ	NGUYỄN			18 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
19	09222070	PHẠM THỊ CẨM	NHÀNH			19 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
20	09222075	NGUYỄN A	NÍCH			20 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
21	09222074	TRẦN MẠNH	NINH			21 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
22	09222060	HOÀNG ĐỊNH	NỘI			22 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
23	09222079	SỖ DANH	PHÚ	<i>Phu</i>	2	23 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
24	09222082	NGUYỄN THỊ HỒNG	PHÚC			24 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
25	09222077	NGUYỄN HUY	PHƯƠNG			25 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
26	09222078	TRƯƠNG ĐÌNH	PHƯƠNG			26 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
27	09222092	PHẠM LÊ XUÂN	SƠN			27 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
28	09222112	TRỊNH THỊ HOÀI	THỊ			28 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
29	09222117	NGUYỄN ĐỨC	THỊNH			29 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
30	09222116	NGUYỄN THỊ	THOẠI			30 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
31	09222115	TRƯƠNG MINH	THỤ	<i>Thy</i>	2	31 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
32	09222123	VÕ NGỌC	THUẬN			32 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10



Mã nhận dạng

04960

Trang 2/2

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC- (THI LẦN 2)

Học Kỳ 2 - Năm Học 09-10

Lớp: TC09QTTD (Quản trị kinh doanh Thu Dục)

Môn Học Anh văn 1 (213601-56)

CBGD Huỳnh Thị Cẩm Loan (638)

STT	Mã SV	Họ Và Tên	S.Tờ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên											
33	09222114	TRẦN THỊ THÙY	✓			1	☒	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐
34	09222124	HUỖNH CÔNG TIẾN	✓			2	☒	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐
35	09222129	DƯƠNG THỊ THANH TRANG	✓			3	☒	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐
36	09222134	THÁI VĂN TRINH	✓			4	☒	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐
37	09222138	PHẠM MINH TRUNG	✓			5	☒	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐
						6	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐
						7	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐
						8	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐
						9	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐
						10	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐
						11	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐
						12	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐
						13	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐
						14	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐
						15	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐
						16	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐
						17	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐
						18	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐
						19	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐
						20	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐
						21	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐
						22	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐
						23	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐
						24	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐
						25	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐
						26	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐
						27	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐
						28	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐
						29	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐
						30	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐
						31	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐
						32	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC- (THI LẦN 2)

Học Kỳ 2 - Năm Học 09-10

Lớp: TC09QTTD (Quản trị kinh doanh Thu Dục)
Môn Học Pháp luật đại cương (202622-15)
CBGD

STT	Mã SV	Họ Và Tên	S.Từ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên
1	09222004	NGUYỄN THỊ LAN ANH				1 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
2	09222007	NGUYỄN HẢI CỎ				2 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
3	09222014	LÊ THỊ BÍCH DIỆU				3 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
4	09222018	ĐẶNG HÀI ĐĂNG	1	Đặng	6	4 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
5	09222023	NGUYỄN CHÍ HÀ				5 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
6	09222031	LÊ TRUNG HIỆP	1	Hiệp	5	6 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
7	09222026	LƯU MINH HÓA				7 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
8	09222029	TẶNG VĂN HÙNG				8 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
9	09222154	TRỊNH HÀ VIỆT HUY	2	Trinh	6	9 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
10	09222038	ĐẶNG THU THU HUYỀN				10 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
11	09222041	NGÔ TUẤN KHÔI	1	Ngô	6	11 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
12	09222045	NGUYỄN HOA KỲ	1	Nguyễn	7	12 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
13	09222047	LÊ THỊ TUYẾT LAN				13 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
14	09222046	LÝ DUY LÂM				14 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
15	09222054	LÊ MINH LONG	1	Le	7	15 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
16	09222063	CHẾ THỊ NGỌC				16 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
17	09222064	NGUYỄN NGỌC NGỌC	1	Nguyễn	6	17 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
18	09222067	VÕ THỊ NGUYỄN				18 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
19	09222070	PHẠM THỊ CẨM NHANH				19 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
20	09222075	NGUYỄN A NỊCH				20 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
21	09222074	TRẦN MẠNH NINH				21 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
22	09222060	HOÀNG ĐÌNH NỘI				22 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
23	09222082	NGUYỄN THỊ HỒNG PHÚC				23 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
24	09222077	NGUYỄN HUY PHƯƠNG				24 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
25	09222078	TRƯƠNG ĐÌNH PHƯƠNG				25 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
26	09222094	LÊ THANH SANG				26 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
27	09222092	PHẠM LÊ XUÂN SƠN				27 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
28	09222104	PHẠM THỊ THÁI	1	Phạm	6	28 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
29	09222112	TRỊNH THỊ HOÀI THI				29 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
30	09222117	NGUYỄN ĐỨC THỊNH				30 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
31	09222116	NGUYỄN THỊ THOA				31 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
32	09222115	TRƯƠNG MINH THỤ	1	Trương	6	32 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC- (THI LẦN 2)

Học Kỳ 2 - Năm Học 09-10

Lớp: TC09QTDD (Quản trị kinh doanh Thu Dục)
Môn Học Pháp luật đại cương (202622-15)
CBGD

STT	Mã SV	Họ Và Tên	S.Từ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên
33	09222123	VÕ NGỌC THUẬN				1 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
34	09222124	HUỖNH CÔNG TIẾN				2 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
35	09222129	DƯƠNG THỊ THANH TRANG				3 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
36	09222134	THÁI VĂN TRINH				4 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
37	09222136	LÊ TIẾN ĐỨC	1		6	5 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
38	09222138	PHẠM MINH TRUNG				6 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
39	09222145	PHẠM THỊ TUYẾT	1		7 (Bảy)	7 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
						8 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
						9 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
						10 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
						11 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
						12 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
						13 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
						14 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
						15 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
						16 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
						17 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
						18 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
						19 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
						20 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
						21 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
						22 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
						23 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
						24 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
						25 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
						26 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
						27 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
						28 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
						29 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
						30 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
						31 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)
						32 (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC- (THI LẦN 2)

Học Kỳ 2 - Năm Học 09-10

Lớp: TC09QTTD (Quản trị kinh doanh Thu Dục)

Môn Học Các ng.lý cơ bản của Máclênin (200106-27)

CBGD Nguyễn Hồng Hải (665)

STT	Mã SV	Họ và Tên	S.Tờ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên
1	09222002	ĐẶNG LAN ANH	1		Sinh	1 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
2	09222003	LÊ HUỖNH NGỌC	1		Như	2 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
3	09222004	NGUYỄN THỊ LAN				3 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
4	09222005	ĐỖ THỊ AN BÌNH	1		Như	4 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
5	09222010	PHẠM THỊ KIM CHÂU	1		Sinh	5 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
6	09222007	NGUYỄN HẢI CỎ				6 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
7	09222014	LÊ THỊ BÍCH DIỆU				7 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
8	09222018	ĐẶNG HẢI ĐĂNG	1		Như	8 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
9	09222023	NGUYỄN CHÍ HÀ				9 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
10	09222020	MAI THANH HẰNG	1		Sinh	10 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
11	09222026	LƯU MINH HÓA				11 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
12	09222027	PHAN VĂN HÓA	1		Như	12 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
13	09222036	LÝ NGỌC HUỆ	1		Như	13 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
14	09222029	TĂNG VĂN HÙNG				14 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
15	09222154	TRỊNH HÀ VIỆT HUY				15 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
16	09222038	ĐẶNG THU THU HUYỀN				16 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
17	09222022	TRẦN THỊ HƯƠNG	2		Sinh	17 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
18	09222044	NGUYỄN NHƯ KHOA	2		Bảng	18 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
19	09222047	LÊ THỊ TUYẾT LAN				19 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
20	09222046	LÝ DUY LÂM				20 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
21	09222055	NGUYỄN VIỆT LONG	2		Như	21 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
22	09222048	PHẠM THỊ XUÂN LỘC	2		Bảng	22 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
23	09222057	VÕ HÀ NGỌC MAI	1		Như	23 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
24	09222058	NGUYỄN MÂY	1		Như	24 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
25	09222061	LÊ THANH NGÂN	2		Bảng	25 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
26	09222063	CHẾ THỊ NGỌC				26 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
27	09222064	NGUYỄN NGỌC NGỌC	2		Như	27 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
28	09222067	VÕ THỊ NGUYỄN				28 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
29	09222070	PHẠM THỊ CẨM NHANH				29 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
30	09222075	NGUYỄN A NÍCH				30 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
31	09222074	TRẦN MẠNH NINH				31 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
32	09222060	HOÀNG ĐỊNH NỘI				32 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC- (THI LẦN 2)

Học Kỳ 2 - Năm Học 09-10

Lớp: TC09QTDD (Quản trị kinh doanh Thu Dục)

Môn Học Các ng. lý cơ bản của Máclênin (200106-27)

CBGD Nguyễn Hồng Hải (665)

STT	Mã SV	Họ Và Tên	S.Tờ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên
33	09222082	NGUYỄN THỊ HỒNG PHÚC				1 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
34	09222077	NGUYỄN HUY PHƯƠNG				2 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
35	09222078	TRƯƠNG ĐÌNH PHƯƠNG				3 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
36	09222094	LÊ THANH SANG				4 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
37	09222092	PHẠM LÊ XUÂN SƠN				5 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
38	09222107	LÊ MINH THÀNH	1			6 V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
39	09222103	NGUYỄN SỸ THẮNG	1			7 V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
40	09222111	PHAN THỊ BÍCH THI	1			8 V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
41	09222112	TRỊNH THỊ HOÀI THI				9 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
42	09222117	NGUYỄN ĐỨC THỊNH				10 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
43	09222116	NGUYỄN THỊ THOA				11 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
44	09222119	HUỲNH THỊ LỆ THU	2			12 V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
45	09222120	NGUYỄN THỊ NGỌC THU	2			13 V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
46	09222124	HUỲNH CÔNG TIẾN				14 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
47	09222129	DƯƠNG THỊ THANH TRANG				15 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
48	09222130	LÊ THỊ THU TRANG	1			16 V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
49	09222134	THÁI VĂN TRINH				17 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
50	09222138	PHẠM MINH TRUNG				18 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
51	09222139	ĐOÀN THỊ TRUYỀN	2			19 V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
						20 V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
						21 V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
						22 V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
						23 V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
						24 V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
						25 V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
						26 V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
						27 V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
						28 V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
						29 V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
						30 V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
						31 V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
						32 V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10

PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng

01838

Trang 1/5

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 10-11

24/11

Lớp: TC09QTTD (Quản trị kinh doanh Thu Dục)

Môn Học Toán cao cấp C2 (202115-09)

CBGD

STT	Mã SV	Họ Và Tên	S.Từ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên
1	09222001	NGUYỄN NGỌC THÚY AN	1	<i>Nhan</i>	8	1 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
2	09222002	ĐẶNG LAN ANH	1	<i>Thanh</i>	4	2 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
3	09222003	LÊ HUỖNH NGỌC ANH	1	<i>Qua</i>	3	3 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
4	09222005	ĐỖ THỊ AN BÌNH	1	<i>Anh</i>	5	4 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
5	09222006	NGUYỄN DUY BÌNH	1	<i>Thanh</i>	5	5 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
6	09222009	NGUYỄN THỊ NGỌC CHÂU	1	<i>Chau</i>	4	6 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
7	09222010	PHẠM THỊ KIM CHÂU	1	<i>Kim</i>	5	7 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
8	09222011	BÙI THỊ CÚC	1	<i>Cuc</i>	7	8 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
9	09222008	NGUYỄN DOÃN CƯỜNG				9 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
10	09222015	PHẠM CHÍ DU	1	<i>Chi</i>	3	10 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
11	09222012	HUỖNH HẢI DƯƠNG	1	<i>Hai</i>	4	11 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
12	09222013	NGUYỄN QUỐC DƯƠNG	1	<i>Quoc</i>	5	12 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
13	09222016	ĐỖ TRỌNG ĐÀN	2	<i>Dan</i>	9	13 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
14	09222017	NGUYỄN CHƯƠNG ĐẠO	1	<i>Dao</i>	5	14 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
15	09222018	ĐẶNG HẢI ĐĂNG	1	<i>Hai</i>	5	15 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
16	09222019	LÊ THỊ TUYẾT GIANG	2	<i>Tuyet</i>	9	16 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
17	09222024	DƯƠNG HỒ HẢI	2	<i>Hai</i>	7	17 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
18	09222025	CAO THỊ KIỀU HẠNH	1	<i>Kieu</i>	5	18 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
19	09222153	LÊ NỮ LỆ HẰNG	2	<i>Lem</i>	7	19 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
20	09222020	MAI THANH HẰNG	1	<i>Thanh</i>	6	20 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
21	09222021	TRẦN PHƯƠNG HẰNG	1	<i>Hung</i>	6	21 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
22	09222155	PHAN VĂN HẬU	2	<i>Van</i>	5	22 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
23	09222028	LƯU THỊ HIỀN	2	<i>Hien</i>	7	23 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
24	09222030	NGUYỄN SƠN HIỀN	1	<i>Son</i>	4	24 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
25	09222031	LÊ TRUNG HIỆP	1	<i>Hiep</i>	2	25 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
26	09222033	TRẦN THỊ THANH HOA	2	<i>Thanh</i>	10	26 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
27	09222035	ĐẶNG PHƯỚC HÒA	2	<i>Hoa</i>	8	27 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
28	09222027	PHAN VĂN HÓA	1	<i>Hoa</i>	2	28 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
29	09222034	ĐINH HUY HOAN	1	<i>Huy</i>	5	29 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
30	09222036	LÝ NGỌC HUỆ	1	<i>Hue</i>	5	30 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
31	09222037	VÕ THỊ NGỌC HUỆ	1	<i>Hue</i>	7	31 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
32	09222154	TRỊNH HÀ VIỆT HUY	1	<i>Hai</i>	0	32 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10

Số bài: 118 Số tờ: 155 Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày 9 tháng 12 năm 2010

[Signature]

Phạm Hồ Ngọc Kỳ

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 10-11

Lớp: TC09QTTD (Quản trị kinh doanh Thu Dục)

Môn Học Toán cao cấp C2 (202115-09)

CBGD

STT	Mã SV	Họ và Tên	S.Từ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên
33	09222039	THIÊM THỊ HUYỀN	2	<i>Thuy</i>	10	1 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
34	09222032	BÙI QUỐC HÙNG	1	<i>Thuy</i>	5	2 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
35	09222022	TRẦN THỊ HƯƠNG	2	<i>Hương</i>	6	3 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
36	09222042	BÙI NGÔ NGỌC KHANH	1	<i>Kh</i>	6	4 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
37	09222040	LÊ NGỌC QUỐC KHÁNH	1	<i>Kh</i>	5	5 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
38	09222043	NGUYỄN HOÀNG KHIÊM				6 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
39	09222044	NGUYỄN NHƯ KHOA	1	<i>Thuy</i>	3	7 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
40	09222041	NGÔ TUẤN KHÔI	1	<i>Kh</i>	5	8 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
41	09222045	NGUYỄN HOA KỲ	1	<i>Kh</i>	5	9 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
42	09222049	TRẦN THỊ THÙY LIÊN	1	<i>Thuy</i>	6	10 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
43	09222051	NGUYỄN THỊ MỸ LINH	1	<i>Thuy</i>	4	11 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
44	09222052	PHẠM ĐÌNH NGỌC LINH	2	<i>Thuy</i>	9	12 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
45	09222053	BÙI NGỌC LONG	1	<i>Thuy</i>	6	13 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
46	09222054	LÊ MINH LONG	2	<i>Thuy</i>	6	14 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
47	09222055	NGUYỄN VIỆT LONG	2	<i>Thuy</i>	5	15 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
48	09222048	PHẠM THỊ XUÂN LỘC	2	<i>Thuy</i>	9	16 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
49	09222050	NGÔ THÁI LỢI	2	<i>Thuy</i>	8	17 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
50	09222056	HUỲNH THỊ LY	1	<i>Ly</i>	8	18 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
51	09222057	VÕ HÀ NGỌC MAI	1	<i>Thuy</i>	3	19 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
52	09222058	NGUYỄN MÂY	1	<i>Thuy</i>	5	20 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
53	09222059	DƯƠNG THÀNH NAM	1	<i>Thuy</i>	5	21 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
54	09222062	HỒ THỊ NGÀ	2	<i>Thuy</i>	7	22 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
55	09222061	LÊ THANH NGÂN	2	<i>Thuy</i>	5	23 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
56	09222064	NGUYỄN NGỌC NGỌC	1	<i>Thuy</i>	5	24 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
57	09222065	NGUYỄN VĂN NGỌC	2	<i>Thuy</i>	4	25 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
58	09222066	TRẦN NGUYỄN	1	<i>Thuy</i>	5	26 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
59	09222069	TRẦN THỊ NHÂN	2	<i>Thuy</i>	9	27 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
60	09222068	TRẦN THANH NHÂN	2	<i>Thuy</i>	6	28 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
61	09222072	TRẦN THỊ CẨM NHUNG	1	<i>Thuy</i>	3	29 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
62	09222071	TRƯƠNG THỊ THANH NHUNG	1	<i>Thuy</i>	6	30 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
63	09222073	LÊ MINH NHỰT	1	<i>Thuy</i>	6	31 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
64	09222083	NGUYỄN ĐỨC PHONG	1	<i>Thuy</i>	4	32 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10

Thuy

Thuy Hồ Ngọc Kỳ

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 10-11

Lớp: TC09QTTD (Quản trị kinh doanh Thu Dục)

Môn Học Toán cao cấp C2 (202115-09)

CBGD

STT	Mã SV	Họ Và Tên	S.Từ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên
65	09222079	SỸ DANH PHÚ	1		6	1 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
66	09222080	NGUYỄN ĐĂNG HOÀI DIỆM PHÚC	2		8	2 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
67	09222081	NGUYỄN QUỐC PHÚC	2		8	3 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
68	09222084	NGUYỄN THỊ KIM PHỤNG	1		5	4 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
69	09222076	ĐẶNG THỊ BÍCH PHƯƠNG	2		7	5 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
70	09222088	DƯƠNG THANH QUANG			✓	6 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
71	09222089	VŨ CÔNG QUANG	2		2	7 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
72	09222086	ĐẶNG XUÂN QUÂN	1		2	8 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
73	09222087	NGUYỄN HỒNG QUÂN	2		6	9 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
74	09222090	NGUYỄN THỊ NGỌC QUÝ	1		6	10 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
75	09222085	VÕ QUÝ	1		7	11 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
76	09222091	NGUYỄN THÀNH RỰC			✓	12 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
77	09222094	LÊ THANH SANG			✓	13 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
78	09222095	NGUYỄN THỊ HỒNG SEN	1		6	14 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
79	09222096	NGUYỄN VĂN SIM	1		7	15 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
80	09222093	VÕ THANH SON	1		7	16 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
81	09222097	TRẦN TRUNG TÁ	1		6	17 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
82	09222099	CAO ĐỨC TÀI	2		8	18 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
83	09222100	CHÂU TẤN TÀI	1		5	19 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
84	09222101	PHẠM MINH TÀI			✓	20 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
85	09222102	VĂN THÀNH TÀI			✓	21 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
86	09222098	NGUYỄN NGỌC MINH TÂN	1		3	22 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
87	09222104	PHẠM THỊ THÁI	1		5	23 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
88	09222105	VÕ QUỐC THÁI	1		6	24 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
89	09222110	NGUYỄN THỊ KIM THANH	1		4	25 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
90	09222107	LÊ MINH THÀNH	1		4	26 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
91	09222108	PHẠM TẤN THÀNH	1		2	27 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
92	09222109	TRẦN THỊ THANH THẢO	1		5	28 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
93	09222103	NGUYỄN SỸ THĂNG	1		3	29 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
94	09222111	PHAN THỊ BÍCH THI	1		4	30 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
95	09222113	CÙ HUY THIÊM	1		4	31 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
96	09222118	NGUYỄN CÔNG THỊNH	*		✓	32 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10

Số bài: 118 Số tờ: 105 Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày 24 tháng 11 năm 2010

PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng

01838

Trang 4/5

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 10-11

Lớp: TC09QTDD (Quản trị Kinh doanh Thu Dục)

Môn Học: Toán cao cấp C2 (202115-09)

CBGD

STT	Mã SV	Họ Và Tên	S.Tờ	Chữ ký SV	Điểm	Tổ đậm vòng tròn cho điểm nguyên
97	09222106	HOÀNG TRÍ	THÔNG	1	7	1 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
98	09222119	HUỖNH THỊ LÊ	THU	2	10	2 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
99	09222120	NGUYỄN THỊ NGỌC	THU	1	6	3 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
100	09222121	NGUYỄN TRẦN CẨM	THU	2	6	4 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
101	09222115	TRƯƠNG MINH	THU	1	1	5 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
102	09222122	ĐÓI ÍCH	THUẬN	1	5	6 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
103	09222123	VÕ NGỌC	THUẬN		✓	7 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
104	09222114	TRẦN THỊ	THÚY		✓	8 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
105	09222126	NGUYỄN QUỐC	TOÀN	2	8	9 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
106	09222127	NGUYỄN THANH	TOÀN	2	7	10 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
107	09222130	LÊ THỊ THU	TRANG	1	3	11 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
108	09222131	PHẠM THỊ HUYỀN	TRANG	1	1	12 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
109	09222128	NGUYỄN ĐẶNG NGUYỆT	TRÂM	2	6	13 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
110	09222132	LƯU KIM	TRINH	1	6	14 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
111	09222133	NGUYỄN THỊ TUYẾT	TRINH	2	5	15 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
112	09222135	NGUYỄN THỊ	TRONG	2	10	16 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
113	09222136	LÊ TIẾN ĐỨC	TRUNG	1	4	17 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
114	09222137	NGUYỄN QUANG	TRUNG	1	6	18 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
115	09222139	ĐOÀN THỊ	TRUYỀN	2	7	19 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
116	09222125	NGUYỄN THUY	TÚ	1	6	20 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
117	09222140	NGUYỄN XUÂN	TUẦN	1	5	21 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
118	09222141	PHẠM ANH	TUẦN	1	2	22 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
119	09222142	TRẦN CÔNG	TUẦN	1	3	23 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
120	09222143	ĐỖ THỊ MỘNG	TUYỀN	2	7	24 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
121	09222144	NGUYỄN THỊ NGỌC	TUYỀN	2	6	25 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
122	09222145	PHẠM THỊ	TUYẾT	2	5	26 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
123	09222146	TRẦN THỊ LY	UYỀN	1	4	27 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
124	09222147	PHẠM QUANG	VINH	1	5	28 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
125	09222148	TRIỆU QUANG	VINH	1	6	29 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
126	09222149	NGUYỄN TUẦN	VŨ	1	4	30 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
127	09222150	PHAN PHI	VŨ	1	5	31 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
128	09222151	HUỖNH THÁI TRANG	VY		✓	32 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10

Số bài: 118 Số tờ: 155 Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày 9 tháng 12 năm 2010

Nguyễn Thị Sáu

Nguyễn Thị Ngọc Kỳ

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

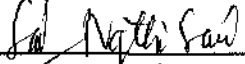
Học Kỳ 1 - Năm Học 10-11

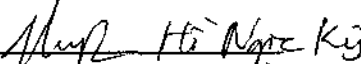
Lớp: TC09QTDD (Quản trị kinh doanh Thu Dục)

Môn Học Toán cao cấp C2 (202115-09)

CBGD

STT	Mã SV	Họ Và Tên	S.Từ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																								
129	09222152	NGUYỄN THỊ KIM XUYẾN	1		5	1	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																												





DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 1 - Năm Học 10-11

26/11

Lớp: TC09QTTD (Quản trị kinh doanh Thu Dục)
Môn Học Anh văn 2 (213602-37)
CBGD

STT	Mã SV	Họ Và Tên	S.Từ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên
1	09222001	NGUYỄN NGỌC THÚY	AN	<i>Thuy</i>	5	1 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
2	09222002	ĐẶNG LAN	ANH	<i>Chau</i>	6	2 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
3	09222003	LÊ HUỖNH NGỌC	ANH	<i>Chau</i>	6	3 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
4	09222005	ĐỖ THỊ AN	BÌNH	<i>Chau</i>	6	4 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
5	09222006	NGUYỄN DUY	BÌNH	<i>Chau</i>	3	5 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
6	09222009	NGUYỄN THỊ NGỌC	CHÂU	<i>Chau</i>	3	6 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
7	09222010	PHẠM THỊ KIM	CHÂU	<i>Chau</i>	7	7 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
8	09222011	BÙI THỊ	CÚC	<i>Chau</i>	5	8 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
9	09222008	NGUYỄN ĐOÀN	CƯỜNG	<i>Chau</i>	✓	9 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
10	09222015	PHẠM CHÍ	DU	<i>Chau</i>	5	10 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
11	09222012	HUỖNH HẢI	DƯƠNG	<i>Chau</i>	5	11 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
12	09222013	NGUYỄN QUỐC	DƯƠNG	<i>Chau</i>	4	12 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
13	09222016	ĐỖ TRỌNG	ĐÀN	<i>Chau</i>	6	13 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
14	09222017	NGUYỄN CHƯƠNG	ĐẠO	<i>Chau</i>	5	14 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
15	09222018	ĐẶNG HẢI	ĐĂNG	<i>Chau</i>	6	15 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
16	09222019	LÊ THỊ TUYẾT	GIANG	<i>Chau</i>	5	16 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
17	09222024	DƯƠNG HỒ	HẢI	<i>Chau</i>	6	17 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
18	09222025	CAO THỊ KIỀU	HÀNH	<i>Chau</i>	4	18 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
19	09222153	LÊ NỮ LỆ	HẠNG	<i>Chau</i>	6	19 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
20	09222020	MAI THANH	HẠNG	<i>Chau</i>	6	20 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
21	09222021	TRẦN PHƯƠNG	HẠNG	<i>Chau</i>	6	21 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
22	09222155	PHAN VĂN	HẬU	<i>Chau</i>	5	22 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
23	09222028	LƯU THỊ	HIỀN	<i>Chau</i>	5	23 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
24	09222030	NGUYỄN SƠN	HIỀN	<i>Chau</i>	4	24 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
25	09222031	LÊ TRUNG	HIỆP	<i>Chau</i>	4	25 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
26	09222033	TRẦN THỊ THANH	HOA	<i>Chau</i>	5	26 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
27	09222035	ĐẶNG PHƯỚC	HÒA	<i>Chau</i>	5	27 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
28	09222027	PHAN VĂN	HÓA	<i>Chau</i>	5	28 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
29	09222034	ĐÌNH HUY	HOAN	<i>Chau</i>	5	29 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
30	09222036	LÝ NGỌC	HUỆ	<i>Chau</i>	6	30 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
31	09222037	VÕ THỊ NGỌC	HUỆ	<i>Chau</i>	4	31 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
32	09222154	TRỊNH HÀ VIỆT	HUY	<i>Chau</i>	5	32 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10

Trần Thị Thanh

Bình Nguyễn Thị Bình

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 10-11

Lớp: TC09QTTD (Quản trị kinh doanh Thu Dục)

Môn Học Anh văn 2 (213602-37)

CBGD

STT	Mã SV	Họ Và Tên	S.Từ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên												
33	09222039	THIỆM THỊ	HUYỀN		6	1	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
34	09222032	BÙI QUỐC	HƯNG		5	2	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
35	09222022	TRẦN THỊ	HƯƠNG		5	3	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
36	09222042	BÙI NGỎ NGỌC	KHANH		4	4	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
37	09222040	LÊ NGỌC QUỐC	KHÁNH		5	5	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
38	09222043	NGUYỄN HOÀNG	KHIÊM	✓	✓	6	●	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
39	09222044	NGUYỄN NHƯ	KHOA		4	7	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
40	09222041	NGÔ TUẤN	KHÔI		4	8	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
41	09222045	NGUYỄN HOA	KỶ		5	9	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
42	09222049	TRẦN THỊ THÙY	LIÊN		5	10	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
43	09222051	NGUYỄN THỊ MỸ	LINH		6	11	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
44	09222052	PHẠM ĐÌNH NGỌC	LINH		6	12	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
45	09222053	BÙI NGỌC	LONG		4	13	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
46	09222054	LÊ MINH	LONG		5	14	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
47	09222055	NGUYỄN VIỆT	LONG		5	15	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
48	09222048	PHẠM THỊ XUÂN	LỘC		3	16	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
49	09222050	NGÔ THÁI	LỢI		4	17	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
50	09222056	HUỖNH THỊ	LY		5	18	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
51	09222057	VÕ HÀ NGỌC	MAI		5	19	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
52	09222058	NGUYỄN	MÂY		4	20	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
53	09222059	DƯƠNG THÀNH	NAM		5	21	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
54	09222062	HỒ THỊ	NGA		6	22	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
55	09222061	LÊ THANH	NGÂN		4	23	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
56	09222064	NGUYỄN NGỌC	NGỌC		4	24	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
57	09222065	NGUYỄN VĂN	NGỌC		5	25	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
58	09222066	TRẦN	NGUYỄN		4	26	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
59	09222069	TRẦN THỊ	NHÂN		6	27	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
60	09222068	TRẦN THANH	NHÂN		4	28	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
61	09222072	TRẦN THỊ CẨM	NHUNG		5	29	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
62	09222071	TRƯƠNG THỊ THANH	NHUNG		6	30	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
63	09222073	LÊ MINH	NHỰT		4	31	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
64	09222083	NGUYỄN ĐỨC	PHONG		3	32	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10

Số bài: 62 Số tờ: 62

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày 15 tháng 12 năm 2010

 HT TT-TM

 Binh Nguyen Thi Pomh

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 10-11

Lớp: TC09QTTD (Quản trị kinh doanh Thu Dục)

Môn Học Anh văn 2 (213602-37)

CBGD

STT	Mã SV	Họ và Tên	S.Tờ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên
65	09222079	SỸ DANH PHÚ			4	1 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
66	09222080	NGUYỄN ĐĂNG HOÀI D PHÚC			7	2 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
67	09222081	NGUYỄN QUỐC PHÚC			4	3 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
68	09222084	NGUYỄN THỊ KIM PHỤNG			4	4 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
69	09222076	ĐẶNG THỊ BÍCH PHƯƠNG			6	5 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
70	09222088	DƯƠNG THANH QUANG			✓	6 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
71	09222089	VŨ CÔNG QUANG			5	7 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
72	09222086	ĐẶNG XUÂN QUÂN			5	8 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
73	09222087	NGUYỄN HỒNG QUÂN			4	9 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
74	09222090	NGUYỄN THỊ NGỌC QUÝ			3	10 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
75	09222085	VỖ QUÝ			5	11 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
76	09222091	NGUYỄN THÀNH RỰC			4	12 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
77	09222094	LÊ THANH SANG			✓	13 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
78	09222095	NGUYỄN THỊ HỒNG SEN			5	14 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
79	09222096	NGUYỄN VĂN SIM			5	15 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
80	09222093	VỖ THANH SON			5	16 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
81	09222097	TRẦN TRUNG TÁ			4	17 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
82	09222099	CAO ĐỨC TÀI			3	18 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
83	09222100	CHÂU TẤN TÀI			5	19 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
84	09222101	PHẠM MINH TÀI			✓	20 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
85	09222102	VĂN THÀNH TÀI			✓	21 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
86	09222098	NGUYỄN NGỌC MINH TÂN			4	22 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
87	09222104	PHẠM THỊ THÁI			5	23 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
88	09222105	VỖ QUỐC THÁI			4	24 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
89	09222110	NGUYỄN THỊ KIM THANH			4	25 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
90	09222107	LÊ MINH THÀNH			4	26 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
91	09222108	PHẠM TẤN THÀNH			4	27 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
92	09222109	TRẦN THỊ THANH THẢO			4	28 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
93	09222103	NGUYỄN SỸ THĂNG			4	29 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
94	09222111	PHAN THỊ BÍCH THI			4	30 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
95	09222113	CÙ HUY THIÊM			4	31 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
96	09222118	NGUYỄN CÔNG THỊNH			✓	32 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10

Số bài:

Số tờ:

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày 26 tháng 11 năm 2010

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 10-11

Lớp: TC09QTDD (Quản trị kinh doanh Thu Dục)

Môn Học Anh văn 2 (213602-37)

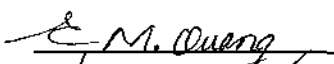
CBGD

STT	Mã SV	Họ Và Tên	S.Tờ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên
97	09222106	HOÀNG TRÍ	THÔNG		5	1 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
98	09222119	HUỖNH THỊ LỆ	THU		4	2 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
99	09222120	NGUYỄN THỊ NGỌC	THU		6	3 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
100	09222121	NGUYỄN TRẦN CẨM	THU		6	4 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
101	09222115	TRƯƠNG MINH	THU		5	5 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
102	09222122	ĐOÍ ÍCH	THUẬN		4	6 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
103	09222123	VÕ NGỌC	THUẬN		✓	7 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
104	09222114	TRẦN THỊ	THỦY		✓	8 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
105	09222126	NGUYỄN QUỐC	TOÀN		3	9 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
106	09222127	NGUYỄN THANH	TOÀN		5	10 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
107	09222130	LÊ THỊ THU	TRANG		3	11 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
108	09222131	PHẠM THỊ HUYỀN	TRANG		5	12 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
109	09222128	NGUYỄN ĐẶNG NGUYỆT	TRÂM		4	13 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
110	09222132	LƯU KIM	TRINH		4	14 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
111	09222133	NGUYỄN THỊ TUYẾT	TRINH		2	15 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
112	09222135	NGUYỄN THỊ	TRONG		6	16 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
113	09222136	LÊ TIẾN ĐỨC	TRUNG		2	17 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
114	09222137	NGUYỄN QUANG	TRUNG		4	18 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
115	09222139	ĐOÀN THỊ	TRUYỀN		4	19 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
116	09222125	NGUYỄN THỤY	TÚ		4	20 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
117	09222140	NGUYỄN XUÂN	TUẤN		3	21 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
118	09222141	PHẠM ANH	TUẤN		4	22 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
119	09222142	TRẦN CÔNG	TUẤN		3	23 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
120	09222143	ĐỖ THỊ MỘNG	TUYỀN		3	24 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
121	09222144	NGUYỄN THỊ NGỌC	TUYỀN		4	25 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
122	09222145	PHẠM THỊ	TUYẾT		3	26 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
123	09222146	TRẦN THỊ LY	UYÊN		4	27 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
124	09222147	PHẠM QUANG	VINH		3	28 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
125	09222148	TRIỆU QUANG	VINH		5	29 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
126	09222149	NGUYỄN TUẤN	VŨ		5	30 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
127	09222150	PHAN PHI	VŨ		4	31 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
128	09222151	HUỖNH THÁI TRANG	VY		4	32 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 1 - Năm Học 10-11

Lớp: TC09QTDD (Quản trị kinh doanh Thu Dục)
Môn Học: Anh văn 2 (213602-37)
CBGD

STT	Mã SV	Họ và Tên	S.Từ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên												
129	09222152	NGUYỄN THỊ KIM	XUYẾN		4	1	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
2						2	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
3						3	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
4						4	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
5						5	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
6						6	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
7						7	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
8						8	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
9						9	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
10						10	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
11						11	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
12						12	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
13						13	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
14						14	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
15						15	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
16						16	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
17						17	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
18						18	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
19						19	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
20						20	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
21						21	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
22						22	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
23						23	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
24						24	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
25						25	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
26						26	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
27						27	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
28						28	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
29						29	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
30						30	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
31						31	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
32						32	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10


C. M. T. H.

